

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 08/2022/DS - ST
Ngày: 29 /9/2022
V/v: “ Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt;
2. Ông Đinh Văn Hoát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:11/2021/TLST-DS ngày 16/6/2022 về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích Ng, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn GĐ, xã SG, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn CM, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn GĐ, xã SG, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

-Anh Đinh Văn Ui, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn CM, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Huệ, Cán bộ hưu trí thị trấn DL, huyện S.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, người phiên dịch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn U vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bích Ng trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2018, do quá trình mua bán mì và keo với nhau nên vợ chồng chị có quen biết vợ chồng chị Đinh Thị Th, anh Đinh Văn U. Ngày 01 tháng 01 năm 2020 chị Đinh Thị Th đặt vấn đề hỏi vay và viết giấy mượn của chị số tiền 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng), chị Th hẹn sau một tháng sẽ trả dứt điểm số tiền đã mượn. Để làm tin, chị Th tự nguyện giao cho chị 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên mẹ chồng chị Th là bà Đinh Thị O, gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 315, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.189m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vào sổ sổ AO 977171 ngày 22/12/2008 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 290, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.250m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vào sổ sổ AO 977169 ngày 22/12/2008, cả hai giấy chứng nhận trên đều đứng tên bà Đinh Thị O, chị Th nói rằng hai thửa đất này đã cho vợ chồng chị nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất mỗi tháng chị Th phải trả cho chị là 1.700.000đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng), nhưng chị Th chỉ trả cho chị được một tháng là 1.700.000đồng, từ đó đến nay chị Th không trả lãi.

Đến hạn trả tiền gốc nhưng không thấy chị Th thực hiện lời hứa, ngày 26/9/2020 khi vợ chồng chị xuống nhà, gặp chị Th yêu cầu trả nợ, thì chị Th trả được 10.000.000đồng (mười triệu đồng), còn nợ lại 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) chị Th tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 29/9/2020 sẽ trả dứt điểm. Ngoài ra, chị Th cam đoan nếu không trả nợ đúng hạn, đồng ý giao cho vợ chồng chị 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên bà Đinh Thị O của mẹ chồng chị Th để trừ khoản nợ vay trên. Tuy nhiên, sau khi hết thời gian hẹn, vợ chồng chị đến nhà thì được biết vợ chồng chị Th bỏ đi khỏi địa phương. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Th, anh U phải trả cho chị số tiền gốc đã mượn còn lại là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), chị không yêu cầu chị Th tính lãi.

- Tại bản tự khai ngày 01/7/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đứng về phía nguyên đơn, anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Anh V thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bổ sung thêm: Việc vay mượn tiền giữa hai bên anh không chứng kiến, nhưng sau đó có nghe vợ anh nói lại, ngày 01 tháng 01 năm 2020 chị Đinh Thị Th có viết giấy mượn của vợ chồng anh với số tiền là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Chị Th tự nguyện giao cho vợ chồng anh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ chồng chị Th là bà Đinh Thị O, gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 315, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.189m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vào sổ sổ AO 977171 ngày 22/12/2008 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 290, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.250m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào sổ sổ AO 977169 ngày 22/12/2008 cả hai giấy trên đều đứng tên bà Đinh Thị O chị Th nói rằng hai thửa đất này là của mẹ chồng đã cho vợ chồng chị Th nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Đến hạn trả tiền gốc nhưng không thấy chị Th thực hiện lời hứa, ngày 26/9/2020 khi vợ chồng anh xuống nhà, gặp chị Th yêu cầu trả nợ, thì chị Th trả được 10.000.000đồng, còn nợ lại 70.000.000đồng chị Th tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 29/9/2020, tức là sau 03 ngày sẽ trả dứt điểm. Đồng thời cam kết, nếu không trả đủ số nợ trên sẽ giao hai thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đinh Thị O và 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 30.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi hết thời gian hẹn, vợ chồng anh đến nhà thì được biết vợ chồng chị Th bỏ đi khỏi địa phương. Nay anh thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Th phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng). Ngoài số tiền lãi chị Th đã trả, không yêu cầu chị Th tính lãi suất.

- *Bị đơn chị Đinh Thị Th:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện S nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và tiến hành niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chị Th vẫn không đến Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn U:* Tòa án nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và tiến hành niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh U, vẫn không đến Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu độc lập nên không có lời trình bày.

- Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2022, Công an xã SN xác nhận chị Đinh Thị Th và anh Đinh Văn U có hộ khẩu và thường trú tại Thôn CM, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi không biết tạm trú ở đâu cũng không rõ thời gian trở về.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt chị Th, anh U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự ; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, các điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Buộc chị Đinh Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Thị Bích Ng số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu của chị Ng, về việc rút yêu cầu buộc anh Đình Văn U cùng với chị Th trả nợ khoản vay còn lại là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng lập ngày 01/01/2020.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật về án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Trần Thị Bích Ng khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Đình Thị Th phải có nghĩa vụ trả số tiền đã viết giấy mượn, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về: “Hợp đồng vay tài sản”; được điều chỉnh bởi Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, và bị đơn có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Đình Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đình Văn U, có hộ khẩu thường trú tại Thôn CM, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã bỏ đi khỏi địa phương, vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn. Hiện nay chị Th, anh U ở đâu, địa phương không biết. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Th, anh U được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân huyện S đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng được quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị Th, anh U vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Đình Thị Th, anh Đình Văn U.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 01 tháng 01 năm 2020 chị Đình Thị Th có viết giấy mượn tiền của chị Trần Thị Bích Ng là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng) và hẹn một tháng sau sẽ trả đủ số tiền trên, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, hợp đồng có hiệu lực được quy định tại các Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Th không thực hiện đúng lời hứa, nên ngày 26/9/2020 vợ chồng chị Ng, anh V đến nhà thì chị Th trả được 10.000.000đồng (mười triệu đồng) và viết giấy hẹn đến ngày 29/6/2020 sẽ trả đủ số tiền còn lại là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng). Đồng thời cam kết nếu không trả đủ số tiền trên, sẽ thế chấp cho vợ chồng chị Ng một bộ

bàn ghế trị giá 30.000.000đồng(ba mươi triệu đồng) và hai thửa đất là rừng sản xuất có địa chỉ tại thôn CM, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đinh Thị O (mẹ chồng chị Th). Quá thời gian ghi trong giấy hẹn, vợ chồng chị Ng đến nhà để yêu cầu trả số tiền còn lại, thì vợ chồng chị Th đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho chị Ng biết nơi cư trú mới, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích Ng đối với bị đơn chị Đinh Thị Th phải trả số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) là có cơ sở nên chấp chận.

- Tại đơn khởi kiện chị Ng yêu cầu vợ chồng chị Đinh Thị Th, anh Đinh Văn U phải trả số tiền đã vay là 70.000.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Ng xin rút một phần yêu cầu, về việc buộc anh Đinh Văn U cùng với chị Đinh Thị Th phải trả khoản nợ đã vay còn lại là 70.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của chị Ng là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này, phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về lãi suất:* Nguyên đơn không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị Th thế chấp cho chị Ng khi mượn tiền, cụ thể: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 315, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.189m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào sổ số AO 977171 ngày 22/12/2008 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 290, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.250m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào sổ số AO 977169 ngày 22/12/2008 cả hai giấy trên đều đứng tên bà Đinh Thị O. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị Th cho rằng bà O cho vợ chồng chị hai thửa đất trên, nhưng chưa làm thủ tục tặng cho, hiện vẫn còn quyền sở hữu của bà Đinh Thị O. Do đó, chị Th không có quyền giao hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho người khác; việc vay mượn tiền của các bên không liên quan đến hai giấy chứng nhận trên, nên chị Ng có trách nhiệm trả lại cho chị Th 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đinh Thị O.

- Đối với bộ bàn ghế trị giá 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) mà chị Th cam kết thế chấp cho chị Ng, nếu không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ; chị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[5]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 463, 466, 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích Ng đối với bị đơn chị Đinh Thị Th.

- Buộc chị Đinh Thị Th phải thanh toán trả cho chị Trần Thị Bích Ng số tiền còn nợ của hợp đồng vay lập ngày 01/01/2020 là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của chị Trần Thị Bích Ng, về việc buộc anh Đinh Văn Ui trả nợ cùng với chị Đinh Thị Th.

4. Chị Trần Thị Bích Ng phải trả lại cho chị Đinh Thị Th: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 315, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.189m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào sổ sổ AO 977171 ngày 22/12/2008 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 290, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.250m², địa chỉ: Núi Đ, xã SN, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào sổ sổ AO 977169 ngày 22/12/2008 cả hai giấy trên đều đứng tên bà Đinh Thị O.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu 3.500.000đồng (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Trần Thị Bích Ng số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 1.750.000 (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0001710 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự chị Đinh Thị Th, anh Đinh Văn U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h.S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS h.S;
- Lưu Hồ sơ + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Hồng Thơm